

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2022/DS-PT

Ngày 05/12/2022

V/v: *tranh chấp quyền sử  
dụng đất ( ranh đất).*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Cao Văn Lạc

-Bà Trần Thị Ngọc Dung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Tình –Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/11 và ngày 05/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2022/TLPT- DS, ngày 17 tháng 10 năm 2022, về “ *tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2022/QĐ - PT, ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Trần Ngọc M, sinh năm 1956. Địa chỉ: tổ N, khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1937 (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1972 (theo văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021). (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ N, khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

-Bà Nguyễn Thị Hồng T là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957 (vắng mặt)

3.2. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng Địa chỉ: khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.  
Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L và chị Trần Thị Thanh T là ông Trần Ngọc M, sinh năm 1956. Địa chỉ: tổ N, khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2022). (có mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965. Địa chỉ: tổ N, ấp Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc M trình bày:*

Ông có quyền sử dụng đất thửa số 297, tờ bản đồ số 2, diện tích 2050m<sup>2</sup> loại đất vườn, giáp ranh đất của ông là thửa 298 tờ bản đồ số 2 diện tích 200m<sup>2</sup> của bà Nguyễn Thị V, cùng tọa lạc khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Đất của ông giáp với đất bà V là cái mương, phần mương này từ trước đến nay nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và do ông quản lý sử dụng. Nhưng khoảng 03, 04 tháng nay phía bị đơn cắm trụ ranh qua mương lấn chiếm đất của ông chiều rộng khoảng 4m, dài khoảng 23m, hai bên không thương lượng được nên ông khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc và kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân là 35,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 297 (thửa mới 300 -2) do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: bà sinh sống ở đây từ nhỏ, nguồn gốc đất của bà do ông bà ngoại cho bà, trong đó có 200m<sup>2</sup> đất thổ cư thuộc thửa 298, tờ bản đồ số 2, giữa đất bà và đất ông M có trụ đá làm ranh, khi cobe móc cạp đất làm gãy trụ đá, nhưng còn một khúc phía dưới, ông M nhổ bỏ luôn để dễ lấn chiếm đất của bà (Tờ tường trình ngày 13/7/2022 của bà V). Nguồn gốc đất của ông M mua của ông H, ông H kê khai đăng ký luôn cái mương và cái mương đó giáp ranh với đất của bà, nhưng do mương bị sạt lở qua đất của bà. Hiện tại cái mương do ông M tranh chấp là có đất của bà trong đó. Ranh đất giữa bà và ông M có trụ đá nên ông M khởi kiện bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: bà là con của bà Nguyễn Thị V và ở trên đất từ nhỏ tới lớn, ranh đất của bà V và ông M bà biết rõ. Nguồn gốc đất của ông M là mua từ ông ba H, nhờ xác minh thực tế, xác minh người bán đất để tìm cơ sở pháp lý đúng, để hai bên không còn cựa cãi nhau. Thời gian bà V ở trên đất còn lâu hơn nguyên đơn, ông M mua về ở sau này mà cho rằng bà V lấn ranh là không đúng sự thật, ông M kiện bà V là không đúng.

Tại công văn số 445/UBND –NC ngày 05/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân có nội dung: thửa đất số 297 (thửa mới 300), tờ bản đồ số 02 (tờ bản đồ mới 06), diện tích 2.050m<sup>2</sup> loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm

Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long do ông M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc trước đây là của ông Phan Hữu Đ. Vào khoảng năm 1986 ông Đ chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh Phú H bằng giấy tay, đến năm 1988 ông H bán lại cho ông Trần Ngọc M. Ông M là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất này từ năm 1988 cho đến nay. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 297 (thửa mới 300) tờ bản đồ số 02 (06) diện tích 2050m<sup>2</sup> loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân cho ông Trần Ngọc M vào năm 1999 là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm ông Huỳnh Phú H trình bày: ông là chủ đất cũ của phần đất ông Trần Ngọc M đang sử dụng. Ông chuyển nhượng cho ông M cũng đã lâu, thời điểm ông sử dụng phần đất này thì ông có đào cái mương ranh giáp với đất bà V. Cái mương này ông đào hoàn toàn nằm trong phần đất của ông, không có đào bên đất bà V.

Phần đất tranh chấp theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/3/2022 và sơ đồ vị trí thửa đất có diện tích 50,8m<sup>2</sup> gồm tách thửa 300-2 + tách thửa 301-2 (tách thửa 297 – 2 + tách thửa 298 – 2 + tách sông), trong đó:

Phần đất tranh chấp diện tích 35,7m<sup>2</sup>, gồm các mốc: 3 – c – d – a – 3 thuộc tách thửa số 300 – 2 (tách 297 – 2) + tách sông.

Phần đất tranh chấp diện tích 15,1m<sup>2</sup> gồm các mốc: c – 4 – 10 – d – c thuộc tách thửa số 301 – 2 (tách 298 – 2) + tách sông.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã quyết định.*

Áp dụng Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 35, 39, 147, 158, 165, 271 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích là 35,7m<sup>2</sup>, gồm các mốc: 3 – c – d – a – 3 thuộc tách thửa số 300 – 2 (tách 297 - 2) + tách sông do hộ ông Trần Ngọc M đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc khóm Thành Q, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị V được quyền sử dụng diện tích 15,1m<sup>2</sup> gồm các mốc: c – 4 – 10 – d – c thuộc tách thửa số 301- 2 (tách 298 – 2) + tách sông.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/3/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long)

Các đương sự có quyền liên hệ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2022 bà Nguyễn Thị V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án dân sự

sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ P là người đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để tiến hành khảo sát, đo đạc lại phần đất tranh chấp.

Nguyên đơn ông Trần Ngọc M yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng gồm chị Nguyễn Thị Phương Hồng H là cháu bà V và anh Trần Văn T là con ông M, vì chị H sống với bà V từ nhỏ, anh T là thành viên trong hộ ông M. Đơn khởi kiện của nguyên đơn không ghi ngày tháng năm, nhưng Tòa án nhận định đơn khởi kiện ngày 26/10/2021, trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/3/2022 không tồn tại điểm c và điểm d, nhưng bản án sơ thẩm tuyên có điểm c và điểm d là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

*Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị V

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí dân sự phúc thẩm do bị đơn là người cao tuổi.

Hội đồng xét xử nghị án, thảo luận và quyết định tạm ngừng phiên tòa để khảo sát, đo đạc theo yêu cầu của bị đơn. Đến ngày 24/11/2022 bà P là người đại diện hợp pháp của bị đơn nộp đơn xin rút lại yêu cầu đo đạc và đơn từ chối mời Luật sư. Tòa án tiếp tục mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 05/12/2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự;

Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ngày 08/9/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 22/9/2022 bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định và bị đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi, kháng cáo của bị đơn được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn T con của nguyên đơn và cháu của bị đơn là Nguyễn Thị Phương Hồng H và vi phạm về nội dung như: thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, bị đơn không ký giáp cận, đơn khởi kiện không ghi ngày tháng năm như bản án nhận định đơn khởi kiện ngày 26/10/2021, trong trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/3/2022 không tồn tại điểm c và điểm d nhưng bản án sơ thẩm tuyên có điểm c và điểm d.

[3] Xét thấy: theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/3/2022 của phòng tài nguyên và môi trường huyện Bình Tân thì không thể hiện điểm c và điểm d, nhưng tại sơ đồ vị trí thửa đất (bút lục 177) và Công văn số 299/UBND-NC ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân có thể hiện điểm c và điểm d và có khoảng cách từ điểm c điểm d đến các điểm còn lại, vì vậy bản án sơ thẩm tuyên có điểm c và điểm d là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót chị Nguyễn Thị Phương Hồng H là cháu của bị đơn và anh Trần Văn Th con nguyên đơn là vi phạm tố tụng, xét thấy: theo bà V khai nguồn gốc đất của bà V là do ông bà ngoại cho bà V, chị H không phải là thành viên hộ được cấp đất. Tại phiên tòa bà P cũng thừa nhận chị H lấy chồng đã 09 năm ở bên chồng, không còn chung sống với bà V. Theo giấy chứng nhận hộ nghèo thì trong hộ của bà V không có tên chị H nên chị H không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 35,7m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn, anh T không sống chung với nguyên đơn và cũng không có tên trong hộ khẩu của nguyên đơn, việc buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Vì vậy cấp sơ thẩm không đưa chị H và anh T vào tham gia tố tụng là có cơ sở.

[5] Ngoài ra đại diện của bị đơn còn cho rằng đơn khởi kiện của nguyên đơn không ghi ngày tháng năm, nhưng bản án sơ thẩm nhận đơn khởi kiện ghi ngày 26/10/2021, đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm đã khắc phục kịp thời, sai sót này không làm thay đổi nội dung, bản chất của vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là không phải cấp lần đầu mà là cấp đổi và cấp trọn thửa nên việc ký giáp ranh của bị đơn không còn là điều kiện bắt buộc khi chuyển nhượng, sang tên hay xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 11

thông tư 25/214/TT-BTNMT quy định về bản đồ địa chính. Vì vậy không có căn cứ hủy án theo kháng cáo của bị đơn.

[6] Đối với nội dung kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại diện tích đất 35,7m<sup>2</sup> là không có căn cứ. Bởi vì theo sự chỉ ranh của nguyên đơn và bị đơn thì phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế thuộc thửa 300-2 + 301-2 (tách 297-2+298-2+ tách sông) có diện tích 50,8m<sup>2</sup>, trong đó có diện tích 35,7m<sup>2</sup> thuộc tách thửa 300-2(tách 297-2) thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn; diện tích 15,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 301-2 (tách 298-2) thuộc quyền sử dụng của bị đơn.

Việc xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa nào và ai có quyền sử dụng đã được cơ quan chuyên môn xác định theo hiện trạng đo đạc thực tế của 2 thửa có phần ranh đang tranh chấp là cơ sở pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn được nhà nước công nhận.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ để xem xét.

[7] Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn diện tích đất 35,7m<sup>2</sup>, gồm các mốc: 3 – c – d – a – 3 thuộc tách thửa số 300 – 2 (tách thửa 297 – 2) + tách sông, tọa lạc khóm Thành Q, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng diện tích 15,1m<sup>2</sup> gồm các mốc: c – 4 – 10 – d – c thuộc tách thửa số 301 – 2 (tách thửa 298 – 2) + tách sông là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST, ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị V;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2021/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân;

Căn cứ các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc M;

Buộc bà Nguyễn Thị V có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Ngọc M diện tích đất 35,7m<sup>2</sup>, loại đất CLN, gồm các mốc: 3 – c – d – a – 3, thuộc tách thửa 300- 2 (tách 297- 2) + tách sông, tọa lạc khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Nguyễn Thị V được quyền sử dụng diện tích 15,1m<sup>2</sup>, loại đất ODT, gồm các mốc: c – 4 – 10 – d – c, thuộc tách thửa 301 - 2 (tách 298 - 2) + tách sông, tọa lạc khóm Tân T, thị trấn Tân Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

*(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/3/2022 và sơ đồ vị trí thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Vĩnh Long).*

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.Về án phí dân sự phúc thẩm: miễn án phí cho bà V do người cao tuổi

3.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Bình Tân;
- CCTHADS huyện Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ánh Bình**